

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 135 /NQ-HĐND

Nghi Xuân, ngày 25 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Ban hành chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2021- 2023.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN
KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ 20**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định Số 490/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 về phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020;

Xét Tờ trình số 154/TTr-UBND ngày 27/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện đề nghị thông qua Đề án chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi của Đề án: Chính sách nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2023 trên địa bàn huyện Nghi Xuân.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, bảo quản, chế biến, thương mại, trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn huyện.

b) Các hoạt động xây dựng nông thôn mới.



c) Các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện theo quy định.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ, quy định chuyển tiếp

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Ngoài chính sách hỗ trợ tại Đề án này, các đối tượng vẫn được hưởng các chính sách hỗ trợ theo các văn bản quy định của Trung ương và của Tỉnh (nếu có).

b) Chính sách được hỗ trợ một lần sau khi hoàn thành và đi vào hoạt động. Trừ một số nội dung đã được quy định cụ thể theo chính sách này.

c) Quản lý, sử dụng kinh phí đúng đối tượng, mục đích, đảm bảo hiệu quả, theo đúng quy định về quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước. Trường hợp sử dụng nguồn vốn được hỗ trợ sai mục đích sẽ bị thu hồi theo quy định.

2. Quy định chuyển tiếp:

- Đối với các nội dung hỗ trợ có trong Đề án này mà các đối tượng đang thực hiện dở dang cho đến khi hoàn thành đi vào hoạt động trước ngày 30 tháng 6 năm 2021 có đầy đủ hồ sơ theo quy định nhưng chưa được hưởng chính sách của huyện thì được áp dụng theo chính sách tại Nghị quyết này.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Được bố trí từ nguồn ngân sách huyện hàng năm theo quy định.

2. Tổng nguồn vốn ngân sách cấp huyện đảm bảo 100% thực hiện chính sách giai đoạn 2021-2023: 57.123 triệu đồng (*Năm mươi bảy tỷ, một trăm hai mươi ba triệu đồng chẵn*).

Trong đó:

- Năm 2021: 16.684 triệu đồng,
- Năm 2022: 19.550 triệu đồng,
- Năm 2023: 20.889 triệu đồng.

3. Kinh phí quản lý, chỉ đạo, kiểm tra nghiệm thu: Do ngân sách cấp huyện đảm bảo; mức chi do UBND huyện xem xét, quyết định phù hợp với tính chất từng đợt kiểm tra cụ thể, nhưng tối đa không quá 2% tổng nguồn vốn hỗ trợ.

Chương II

CÁC CHÍNH SÁCH, CƠ CHẾ HỖ TRỢ CỤ THỂ

I. HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, BẢO QUẢN, CHẾ BIẾN

Điều 4. Chính sách phát triển trồng trọt

1. Cây lạc: Hỗ trợ 50% kinh phí mua ni lông và phân bón NPK để sản xuất lạc giống thu đông quy mô tối thiểu 01 ha trở lên, tối đa 30 triệu đồng/xã/năm (hỗ trợ qua ngân sách xã trên cơ sở nghiệm thu thực tế).

2. Sản xuất rau, củ, quả: Hỗ trợ xây dựng nhà lưới, nhà màng để trồng hoa, sản xuất rau, củ, quả, ứng dụng công nghệ cao, có quy mô từ 1.000 m² trở lên,

đảm bảo theo tiêu chuẩn theo thiết kế mẫu của Ủy ban nhân dân huyện ban hành; có hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm ổn định trong 2 năm trở lên. Mức hỗ trợ 100.000 đồng/m² chi phí xây dựng hệ thống nhà lưới, hệ thống tưới.

3. Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng: Trên diện tích trồng màu sản xuất hiệu quả thấp chuyển đổi sang cây trồng khác có hiệu quả cao hơn ít nhất 02 lần so với trồng cây trồng cũ, diện tích tối thiểu từ 01 ha trở lên được hỗ trợ tối đa 70% kinh phí giống, 50% vật tư phân bón, tối đa không quá 15 triệu đồng/ha.

4. Ngô, khoai, dưa đỏ: Hỗ trợ 50% kinh phí mua giống mới (giống đã được khảo nghiệm, đánh giá hiệu quả trên đất Nghi Xuân) sản xuất tập trung quy mô 3 ha trở lên đối với Ngô, Khoai; quy mô 1 ha trở lên đối với dưa đỏ. Mỗi xã không quá 70 triệu đồng/năm.

5. Hỗ trợ tích tụ, tập trung ruộng đất:

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác để hình thành vùng sản xuất tập trung quy mô tối thiểu: Đất trồng lúa 05 ha (đối với tổ chức), 02 ha (đối với hộ gia đình, cá nhân); đất trồng cây hàng năm khác 03 ha (đối với tổ chức), 01 ha (đối với hộ gia đình, cá nhân) theo các hình thức (thuê lại quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất) với thời hạn 05 năm trở lên được hỗ trợ 01 lần kinh phí cải tạo đất (làm phẳng mặt bằng, phá bỏ bờ thửa, phân hữu cơ, vôi...), với mức 15 triệu đồng/ha.

Riêng đối với tập trung đất đai theo hình thức thuê lại quyền sử dụng đất thì ngoài mức hỗ trợ trên còn được hỗ trợ kinh phí thuê lại quyền sử dụng đất 5 triệu đồng/ha/năm, thời gian hỗ trợ 02 năm.

Điều 5. Chính sách phát triển chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh

1. Hỗ trợ chăn nuôi gà:

a) Tổ chức, cá nhân chăn nuôi gà thịt thả vườn đồi, trên cát theo hướng an toàn sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường, quy mô ổn định (cam kết sản xuất ổn định 2 năm trở lên) với quy mô 500 đến dưới 1.000 con, mức hỗ trợ 6 triệu đồng/cơ sở; từ 1.000 con trở lên, được hỗ trợ 10 triệu đồng/cơ sở.

b) Tổ chức, cá nhân xây dựng chuồng trại chăn nuôi gà khép kín trong vùng quy hoạch, có quy mô từ 5.000 con trở lên, được hỗ trợ tối đa 50% kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống xử lý môi trường, các vật tư trang thiết bị đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn dịch bệnh cho cơ sở, tối đa không quá 50 triệu đồng/cơ sở.

2. Chính sách phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm:

a) Hỗ trợ nâng cấp các cơ sở giết mổ tập trung trên địa bàn đã xuống cấp (50% kinh phí xây dựng, lắp đặt hệ thống xử lý nước, ống dẫn, bồn chứa,...đảm bảo theo các quy định đề ra, phương án nâng cấp, sửa chữa được phòng chuyên môn cấp huyện thẩm định), tối đa không quá 70 triệu đồng/cơ sở.

b) Hỗ trợ cho người trực tiếp thực hiện công tác kiểm soát giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung, mức hỗ trợ bằng mức lương cơ bản/người/tháng (01 người/cơ sở, hỗ trợ khi tính không hỗ trợ).

Điều 6. Chính sách phát triển thủy sản

1. Hỗ trợ 50% chi phí mua giống, trang thiết bị cho các cơ sở đầu tư mới, nâng cấp ao hồ chuyển từ hình thức nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến sang nuôi thâm canh (hỗ trợ xây dựng mới mô hình, trong vùng quy hoạch nuôi tôm ven sông các xã: Xuân Hội - Đan Trường – Xuân Phổ) diện tích từ 01 ha trở lên; chỉ hỗ trợ 01 lần, mức hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/cơ sở.

2. Các tổ chức, cá nhân lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá, hỗ trợ một lần 20% kinh phí mua thiết bị giám sát hành trình cho tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên (máy mới) và 02 năm cước phí thuê bao, mức hỗ trợ tối đa không quá 03 triệu đồng/máy/năm.

3. Các tổ chức, cá nhân đầu tư nâng cấp, xây dựng mới cơ sở thu mua, chế biến hải sản trên 50 tấn/năm trở lên (có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho ngư dân ổn định từ 02 năm trở lên), có đầu tư xây dựng nhà xưởng, khu chế biến, bảo quản đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, vệ sinh môi trường, mức hỗ trợ 30 triệu đồng/cơ sở, hỗ trợ sau khi cơ sở đã đi vào hoạt động.

Điều 7. Chính sách hỗ trợ sản xuất đạt chuẩn quy trình VietGap, VietGAHP.

Tổ chức, cá nhân sản xuất theo quy trình VietGap, VietGAHP được hỗ trợ kinh phí tư vấn, đánh giá để xây dựng cơ sở trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản được cấp chứng nhận VietGap, VietGAHP. Mức hỗ trợ 40 triệu đồng/cơ sở.

Điều 8. Chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực

Hỗ trợ kinh phí tập huấn, đào tạo về quy trình, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi; phòng chống dịch bệnh, thông tin thị trường cho người sản xuất; kinh phí thực hiện không quá 100 triệu đồng/năm (Hỗ trợ thông qua cơ quan được giao thực hiện, tổ chức 02 lần/năm).

Điều 9. Phát triển ngành nghề, bảo quản chế biến nông lâm sản

Hỗ trợ các cơ sở sơ chế, chế biến nông lâm thủy sản có bao gói sẵn, ghi nhãn mác, có quy mô khu vực sản xuất từ 80m² trở lên: Xây dựng mới, mở rộng quy mô, hiện đại hóa cơ sở vật chất (nhà xưởng, dây chuyền công nghệ, trang thiết bị sản xuất) hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư và không quá 200 triệu đồng/cơ sở. Cơ sở phải có hợp đồng thu mua nông, lâm, thủy sản với người dân trên địa bàn ổn định từ 2 năm trở lên và có doanh thu hàng năm đạt từ 1,5 tỷ đồng trở lên.

II. CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM (OCOP)

Điều 10. Chính sách phát triển thương mại nông thôn

1. Hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị phục vụ kinh doanh và quảng bá các điểm giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP (tối đa 50 triệu đồng/cửa hàng chuyên kinh doanh sản phẩm OCOP (trung tâm OCOP) có diện tích từ 50m² trở lên; tối đa 30 triệu đồng đối với điểm giới thiệu, bán sản phẩm OCOP cùng với hàng hóa khác có diện tích tối thiểu

30m² và 20 triệu đồng đối với điểm giới thiệu, bán sản phẩm OCOP cùng với hàng hóa khác có diện tích tối thiểu 20m²).

2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong huyện có doanh thu tối thiểu 01 tỷ đồng/năm, được hỗ trợ 70% chi phí bao bì đóng gói sản phẩm hàng hóa (thiết kế, in ấn, sản xuất bao bì, nhãn mác, tem truy xuất nguồn gốc, giấy hộp đóng gói), tối đa 20 triệu đồng/tổ chức, cá nhân.

3. Đối với tổ chức, cá nhân được huyện giao nhiệm vụ tham gia các Hội chợ do cấp trên tổ chức được hỗ trợ giàn dựng gian hàng, trang trí gian hàng; hệ thống chiếu sáng,... tối đa 10 triệu đồng/gian hàng.

Điều 11. Chính sách hỗ trợ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP): Các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh có ý tưởng sản phẩm tham gia Chương trình OCOP được cấp có thẩm quyền xác nhận, sản phẩm được công nhận đạt chuẩn 3 sao trở lên tùy theo tính chất, mức độ yêu cầu của quá trình sản xuất, kinh doanh; ngoài các chính sách khác hiện hành, nếu không trùng nội dung thì còn được hưởng các chính sách sau:

1. Hỗ trợ 100% kinh phí lập phương án cho các chủ cơ sở có sản phẩm được tỉnh chấp thuận tham gia Chương trình OCOP, tối đa 05 triệu đồng/sản phẩm.

2. Hỗ trợ đầu tư nhà xưởng, trang thiết bị mới: Hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư nhà xưởng, trang thiết bị mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng các sản phẩm OCOP, tối đa 50 triệu đồng/tổ chức, cá nhân.

3. Hỗ trợ 100% kinh phí lần đầu cho các cơ sở thực hiện thiết kế, in ấn, sản xuất bao bì, nhãn mác, tem truy xuất nguồn gốc, giấy hộp đóng gói..., tối đa 10 triệu đồng/tổ chức, cá nhân.

4. Chính sách thưởng cho các tổ chức, cá nhân có sản phẩm đạt 3-5 sao của chương trình OCOP: Các tổ chức, cá nhân có sản phẩm tham gia Chương trình OCOP đạt tiêu chuẩn: Hạng 5 sao thưởng 50 triệu đồng/sản phẩm, hạng 4 sao thưởng 30 triệu đồng/sản phẩm, hạng 3 sao thưởng 20 triệu đồng/sản phẩm. Đối với các sản phẩm được công nhận đạt chuẩn OCOP 3 sao trở lên trong năm 2019 và 2020 thì được hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 12. Hỗ trợ thành lập mới hoặc chuyển đổi lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã:

Hỗ trợ Hợp tác xã thành lập mới hoặc chuyển đổi lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và đi vào hoạt động có hiệu quả, đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 (được UBND huyện xác nhận) đối với các lĩnh vực: Dịch vụ nông nghiệp; chăn nuôi; trồng trọt; sản xuất nấm; nuôi trồng; đánh bắt; chế biến thủy hải sản và dịch vụ môi trường, được hỗ trợ một lần với mức 30 triệu đồng/Hợp tác xã để nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm một số trang thiết bị cần thiết phục vụ hoạt động của Hợp tác xã.

II. CHÍNH SÁCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Điều 13. Cơ chế hỗ trợ xây dựng nông thôn mới

1. Các xã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt chuẩn xã nâng cao, được hỗ trợ 500 triệu đồng/xã. Các xã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt chuẩn xã kiểu mẫu được hỗ trợ 1.000 triệu đồng/xã. Đối với các xã được công nhận đạt chuẩn xã kiểu mẫu, xã nâng cao năm 2019 và 2020 thì được hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Hỗ trợ xây dựng khu dân cư mẫu: Xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành được hỗ trợ (thường theo kết quả đầu ra), mức thưởng: 100 triệu đồng/khu. Riêng đối với các khu dân cư chưa được công nhận đạt chuẩn khu dân cư NTM kiểu mẫu (đã được hỗ trợ 30 triệu đồng/khu theo Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐND của HĐND huyện) nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ hoặc thưởng 300 triệu đồng/khu dân cư của tỉnh, được hỗ trợ 70 triệu đồng/khu dân cư sau khi được công nhận đạt chuẩn.

3. Xây dựng vườn mẫu đạt chuẩn: Xây dựng vườn mẫu đạt chuẩn theo quy định Bộ Tiêu chí do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, được hỗ trợ (thường theo kết quả đầu ra) 10 triệu đồng/vườn.

4. Hỗ trợ hộ gia đình cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn trồng mới cây ăn quả có giá trị kinh tế cao (Buổi, Ổi, Na, Thanh Long, Táo ...), có quy mô tập trung từ 30 cây các loại trở lên (trồng theo đúng quy trình, mật độ quy định), có lắp đặt hệ thống tưới tiết kiệm, vườn có cảnh quan, môi trường ... đảm bảo theo quy định được thưởng đầu ra 3 triệu đồng/vườn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/xã (hỗ trợ qua UBND xã).

5. Di dời, phá bỏ công trình vệ sinh 2 ngăn để xây dựng công trình vệ sinh tự hoại: Hỗ trợ 03 triệu đồng/hộ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo; 01 triệu đồng/công trình đối với hộ sản xuất nông lâm ngư nghiệp có mức thu nhập trung bình, hộ gia đình chính sách để di dời, phá bỏ công trình vệ sinh 2 ngăn xây dựng công trình vệ sinh tự hoại (chỉ hỗ trợ công trình làm mới từ năm 2021 trở đi).

6. Di dời, phá bỏ chuồng trại chăn nuôi: Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, được hỗ trợ 02 triệu đồng/hộ, đối với các hộ còn lại hỗ trợ 01 triệu đồng/hộ để di dời, phá bỏ chuồng trại chăn nuôi, xây dựng chuồng trại chăn nuôi hợp lý, đảm bảo vệ sinh (chỉ hỗ trợ công trình làm mới từ năm 2021 trở đi).

7. Rãnh bê tông xi măng/xây gạch các tuyến đường ngõ xóm (BxH= 0,3x0,4m): Trường hợp có cơ chế hỗ trợ xi măng theo quy định của tỉnh, ngân sách huyện hỗ trợ thêm 90 triệu đồng/1km đối với rãnh có nắp đậy, 60 triệu đồng/1km đối với rãnh không có nắp đậy. Trường hợp không có cơ chế hỗ trợ xi măng của tỉnh thì ngân sách huyện hỗ trợ không quá 50% kinh phí thi công công trình theo nghiệm thu được quyết toán. Tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/xã.

8. Cơ chế phục hồi, nâng cấp mặt đường: Hỗ trợ kinh phí thực hiện phục hồi nâng cấp mặt đường bằng vật liệu mới hoặc bê tông nhựa đối với các tuyến đường đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật (được phòng chuyên môn thẩm định). Mức

hỗ trợ tối đa không quá 70.000 đồng/m²; số còn lại ngân sách cấp xã và người dân đóng góp.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, các phòng, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

1. Ủy ban nhân dân huyện

a) Chỉ đạo, ban hành văn bản hướng dẫn về trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện Nghị quyết này.

b) Xây dựng dự toán nguồn kinh phí thực hiện chính sách, tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định.

c) Kiểm tra việc thực hiện chính sách; phát hiện và đề xuất những chính sách cần sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định.

d) Chỉ đạo các phòng, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch hỗ trợ; tham mưu, cân đối nguồn vốn từ ngân sách cấp huyện theo kế hoạch hàng năm để thực hiện chính sách đầy đủ, có hiệu quả.

2. Các phòng, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

a) Tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định này, đảm bảo các chính sách được thực hiện đúng phạm vi, đối tượng và hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế xã hội theo đúng mục tiêu kế hoạch đề ra.

b) Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ của các tổ chức và cá nhân theo quy định hiện hành. Đề xuất giải pháp khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định.

Điều 15. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Nghi Xuân Khóa XX, kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 25 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- TTr Huyện ủy; TTr HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện Khóa XX;
- Các cơ quan, ban, ngành cấp huyện;
- TT.HĐND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hiếu